TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 01 năm 2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Toàn.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, ông Lường Văn Duôi.
- Thư ký phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lan Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La *tham gia phiên tòa*:
Ông Vừ Bả Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2025/TLST - HNGĐ ngày 28/10/2025 về việc Ly hôn - Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 12/12/2025; Quyết định hoãn phiên toà số: 28/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05/01/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị T - Sinh năm 1989. Nơi cư trú: Tiểu khu P, xã Q, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lò Văn Đ - Sinh năm 1982. Nơi cư trú: Tiểu khu P, xã Q, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/10/2025 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện lời khai nguyên đơn chị Lò Thị Thỉnh như sau:

Chị và anh Lò Văn Đ kết hôn từ ngày 30/7/2010, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn (nay là Uỷ ban nhân dân xã Mai Sơn), tỉnh Sơn La. Chị và anh Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, đến năm 2022 thì vợ chồng ly thân, hiện không còn quan tâm đến nhau, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có một con chung là Lò Đình P, sinh ngày 24/02/2013, hiện nay con đang ở với chị. Chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Đối với anh Lò Văn Đ: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập anh Lò Văn Đ hợp lệ nhiều lần nhưng anh Định đều không có mặt, do vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Đ đối với nội dung khởi kiện ly hôn của chị T đối với anh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị T trú tại tiểu khu Phiêng Nèn, xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn giữa chị và anh Đ thì địa phương không nắm rõ. Chị T và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2022. Chị T và anh Đ có một con chung hiện đang ở với chị Thỉnh.

Tại Biên bản ghi ý kiến cháu Lò Đình P, sinh ngày 24/02/2013: Cháu nguyện vọng muốn ở với mẹ cháu là chị Lò Thị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La tại phiên toà: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ thời điểm thụ lý vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lò Thị T đối với anh Lò Văn Đ. Xử cho chị Lò Thị T ly hôn anh Lò Văn Đ.

Về con chung: Giao cho chị Lò Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lò Đình P, sinh ngày 24/02/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu giải quyết; không xác định được ý kiến của anh Đ. Do vậy không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Lò Thị T khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh Lò Văn Đ nên xác định quan hệ pháp luật là vụ án Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lò Văn Đ cư trú tại xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân khu vực 2 - Sơn La theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục hoà giải: Nguyên đơn có đơn đề nghị không hoà giải, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng không có mặt, nên xác định bị đơn không hợp tác để giải quyết vụ án. Do vậy, việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn Đ kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 30/7/2010. Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn Đ có mâu thuẫn, hiện nay anh chị không còn tồn tại cuộc sống chung và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Căn cứ vào Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị T ly hôn anh Đ là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh Đ có một con chung Lò Đình P, sinh ngày 24/02/2013 đang do chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T đề nghị được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Ý kiến của con Lò Đình P cũng muốn ở với mẹ. Anh Đ không có ý kiến. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con và quyền lợi mọi mặt của trẻ em cần giao con chung cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu giải quyết, không xác định được ý kiến của anh Đ. Do vậy không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân Gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị T đối với anh Lò Văn Đ.

Xử cho chị Lò Thị T ly hôn anh Lò Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lò Đình P, sinh ngày 24/02/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Lò Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Sơn La theo biên lai thu số: 0000606, ngày 28/10/2025.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2 - Sơn La;
- THADS khu vực 2 - Sơn La;
- Các đương sự;
- UBND xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Bá Toàn